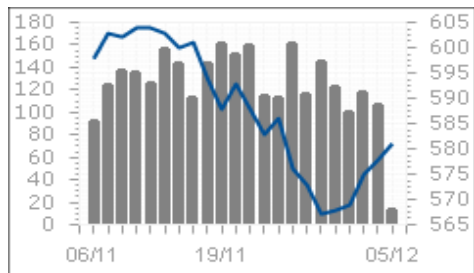


HOSE 05/12/2014

VNINDEX	578.76	0.38	0.07%
KLGD	106,676,540	CP	
GTGD	1,913.04	Tỷ	
GTR NDTNN	62.92	Tỷ	
CP Tăng giá	100	CP	
CP Giảm giá	97	CP	
CP Đứng giá	107	CP	

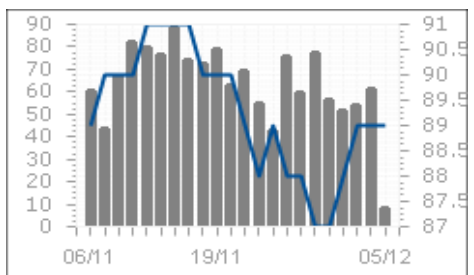


Tâm điểm

- ▶ **Áp lực chốt lời ngắn hạn gây áp lực lên chỉ số 2 sàn**
- ▶ **Áp lực điều chỉnh mạnh đã xuất hiện ở HNX**
 NĐT Nước ngoài tiếp tục mua ròng trên 2 sàn HOSE và HNX
- ▶ **ADB cho Việt Nam vay 230 triệu USD**
 Mục tiêu của chương trình là tăng tỷ lệ đầu tư công trên GDP ADB
- ▶ **Thủ tướng khẳng định sẽ tiếp tục tăng dự trữ ngoại tệ**
 Năm 2014, dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã tăng đáng kể DVO
- ▶ **ECB sẽ xem xét tăng cường kích thích trong đầu năm 2015**
 DVO/Wall Street Journal
- ▶ **TCM 10 tháng hoàn thành 92% kế hoạch lợi nhuận năm**
 TCM đang thực hiện dự án đầu tư và xây dựng nhà máy mới tại KCN Hòa Phú NDH
- ▶ **HHS: Lợi nhuận tháng 11 đạt 28,2 tỷ đồng, 11 tháng vượt 41% kế hoạch năm**
 Đây là tháng cao nhất Công ty đạt lợi nhuận cao nhất từ trước tới nay NDH

HNX 05/12/2014

HNXINDEX	88.63	-0.12	-0.14%
KLGD	64,241,345	CP	
GTGD	912.10	Tỷ	
GTR NDTNN	7.70	Tỷ	
CP Tăng giá	96	CP	
CP Giảm giá	96	CP	
CP Đứng giá	187	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,042,996	14.1	2.8	18.3%	9.6%
HNX	147,195	14.2	1.8	8.8%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,190,191	14.5	2.8	18.2%	9.2%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,262	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,421	9.7	1.6	17.1%	10.5%
Khai khoáng	38,747	13.2	2.0	22.1%	10.6%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,550	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,794	14.1	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	33,364	32.5	1.2	-0.4%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,578	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,938	8.6	1.5	18.4%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,400	10.8	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,397	10.9	2.0	21.5%	7.3%
Dược phẩm	189,161	24.1	4.6	18.8%	14.6%
Phần mềm	15,693	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,030	10.2	2.2	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,200	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	172,341	14.1	4.6	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,518	20.3	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,943	12.3	1.6	11.1%	7.6%
Bất động sản	246,888	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	167,378	16.4	2.6	18.0%	4.6%
	41,139	9.3	2.0	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	624.67	0.36	0.06%
HNX30	178.20	-0.22	-0.13%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Bà Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

ADB cho Việt Nam vay 230 triệu USD

Thủ tướng khẳng định sẽ tiếp tục tăng dự trữ ngoại tệ

ECB sẽ xem xét tăng cường kích thích trong đầu năm 2015

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

TCM 10 tháng hoàn thành 92% kế hoạch lợi nhuận năm

HHS: Lợi nhuận tháng 11 đạt 28,2 tỷ đồng, 11 tháng vượt 41% kế hoạch năm

EVN: Vốn đầu tư vượt 100.000 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa thông qua khoản vay trị giá 230 triệu USD nhằm hỗ trợ Việt Nam thực hiện cải cách toàn bộ nền tài chính công, thúc đẩy đầu tư tư nhân và hồi phục cạnh tranh của nền kinh tế. Khoản vay nhằm đơn giản hóa các thủ tục thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho SME, giảm chi phí giao dịch... Mục tiêu của chương trình là tăng tỷ lệ đầu tư công trên GDP từ 11,5% năm 2013 lên 15% vào năm 2020. Chương trình hỗ trợ của ADB đi cùng với khoản tài trợ 250 triệu USD từ WB và 150 triệu USD từ Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA). Chương trình dự kiến hoàn thành vào T6/2015.

Ngày 5/12, tại Diễn đàn Đối tác phát triển Việt Nam 2014 (VDPF 2014), Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết, năm 2014, dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã tăng đáng kể. Thủ tướng khẳng định, năm 2015, sẽ tiếp tục tăng dự trữ ngoại tệ, đảm bảo dự trữ ngoại tệ từ 12 tuần nhập khẩu trở lên, sẽ kiểm soát lạm phát 5% để thúc đẩy phát triển kinh tế, bội chi ngân sách năm tới là 5% và toàn bộ bội chi này sẽ cho đầu tư phát triển cũng như đảm bảo nợ công trong giới hạn an toàn. Thủ tướng cũng khẳng định, Việt Nam sẽ tiếp tục kiểm soát để đảm bảo giá trị đồng tiền, giữ ổn định tỷ giá hối đoái.

Kết thúc phiên họp tháng 12, Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) quyết định duy trì chính sách lãi suất thấp kỷ lục và cho biết sẽ xem xét tăng cường kích thích vào đầu năm sau. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn tại khu vực đồng euro vẫn là 0,05%, lãi suất tiền gửi là âm 0,2% và lãi suất cho vay thanh khoản (margin) là 0,3%. Đồng thời, ECB sẽ tiếp tục thực hiện chương trình mua tài sản có đảm bảo và tái cấp vốn dài hạn mục tiêu theo lộ trình đưa ra trước đó. Chủ tịch ECB Mario Draghi cho biết, đầu năm 2015 hội đồng hoạch định chính sách sẽ đánh giá hiệu quả của các biện pháp kích thích hiện tại. Từ kết quả đánh giá này, ECB sẽ đi đến quyết định có tiếp tục tăng cường kích thích hay không.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Dệt may - Thương mại - Đầu tư Thành Công (HOSE: Mã TCM) cho biết, doanh thu lũy kế 10 tháng đầu năm đạt khoảng 76%, lợi nhuận lũy kế đạt khoảng 92% so với kế hoạch năm. Công ty cho biết đang thực hiện triển khai dự án đầu tư và xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long. Nhà máy dự kiến đi vào hoạt động vào đầu năm 2015. Đây là dự án Nhà máy may, đan, nhuộm với tổng giá trị đầu tư 645 tỷ đồng được chia làm 3 giai đoạn thực hiện từ tháng 9/2014 đến tháng 4/2017. TCM dự kiến góp 129 tỷ đồng qua Công ty TNHH một thành viên Thành Công - Vĩnh Long. Còn lại 516 tỷ đồng công ty sẽ huy động từ ngân hàng, tổ chức tài chính.

CTCP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HOSE: Mã HHS) thông báo tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá trong tháng 11, đây là tháng thứ hai liên tiếp trong năm lợi nhuận của công ty đạt trên 20 tỷ đồng/tháng và là mức cao nhất kể từ trước tới nay. Riêng tháng 11, doanh thu của công ty đạt 163 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 28,2 tỷ đồng. Đây là khoản lợi nhuận tháng này không những tăng 12,8% so với tháng 10 mà còn gấp đôi lợi nhuận tháng 9 và bằng lợi nhuận của cả 6 tháng đầu năm cộng lại). Nhờ đó, lũy kế 11 tháng đầu năm 2014, doanh thu của Công ty đạt 1.299,4 tỷ, bằng 198,3% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế đạt 120,3 tỷ đồng, vượt 41,3% kế hoạch của năm.

Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) vừa công bố báo cáo sản xuất trong 11 tháng đầu năm 2014 với sản lượng điện thương phẩm tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Sản lượng điện toàn hệ thống đạt 132,8 tỷ kWh, tăng 10,76% so với cùng kỳ năm 2013. Hệ thống điện tiếp tục xu hướng truyền tải từ miền Bắc và miền Trung vào miền Nam trên đường dây 500kV. Lũy kế 11 tháng năm 2014, sản lượng điện sản xuất và mua của EVN đạt 129,98 tỷ kWh, tăng 11,16% so với cùng kỳ. Tính đến hết tháng 11 năm 2014, giá trị khối lượng thực hiện vốn đầu tư toàn Tập đoàn ước đạt 101,5 tỷ đồng, trong đó giá trị giải ngân đạt 94,4 tỷ đồng, đạt tỷ lệ cao hơn cùng kỳ năm 2013.

HOSE 05/12/2014 VNINDEX 578.76 0.38 0.07% 106,676,540 CP 1,913.04 bil VND

Áp lực chốt lời ngắn hạn gây áp lực lên chỉ số 2 sàn

VN-Index tăng 0.38 điểm (+0.07%), đóng cửa tại mức 578.76 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, cây nến thể hiện sự lưỡng lự và giằng co của chỉ số này.

- MACD vẫn gia tăng nhưng chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- Stochastic Oscillator gia tăng rất mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- RSI (14) đi ngang ở mức 42.
- Parabolic SAR cho tín hiệu mua trở lại ở phiên hôm nay.
- Hầu hết các đường MA đang hội tụ lại với nhau.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	9,222,960
ITA	-0.1 (-1.1%)	4,494,400
VHG	0.3 (2.1%)	4,120,580
SAM	0.2 (1.4%)	3,329,970
HAG	-0.1 (-0.4%)	3,137,910

HOSE Top 5 theo % tăng

DIC	0.6 (6.8%)	958,840
SBC	2.3 (6.7%)	342,320
DTA	0.4 (6.7%)	50,590
PTC	0.5 (6.6%)	990
VCF	12 (6.5%)	210

HOSE Top 5 theo % giảm

PJT	-0.7 (-7.7%)	4,180
TMS	-3.7 (-7.0%)	6,220
KAC	-0.9 (-6.9%)	4,210
VNS	-3.5 (-6.5%)	40,580
TMP	-1.8 (-6.3%)	1,720

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

IJC	28,5 tỷ	1,984,250
VIC	14,7 tỷ	301,620
VCB	11,8 tỷ	388,400
KBC	11,7 tỷ	698,000
HPG	9,7 tỷ	173,650

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-35,2 tỷ	1,463,440
SAM	-10,9 tỷ	760,000
VIP	-4,2 tỷ	229,780
PVD	-3,9 tỷ	53,660
VSH	-3,2 tỷ	228,430

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,147,330	62.92

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Chỉ số VN-Index dù tiếp tục gia tăng tuy nhiên lực cầu không có dấu hiệu nâng giá, trong khi áp lực chốt lời ngắn hạn vẫn đang khá mạnh.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 95 triệu cổ phiếu. Nhìn chung giới đầu tư vẫn đang khá thận trọng với nhịp hồi phục lần này của VN-Index.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 62 tỷ. Việc khối ngoại dừng đà bán ròng là một tín hiệu rất tích cực.
- ▶ VN-Index tiếp tục hồi phục sẽ vẫn diễn ra nếu thanh khoản vẫn duy trì khoảng 100 triệu, tuy nhiên áp lực chốt lời ngắn hạn có thể khiến chỉ số này điều chỉnh nhẹ
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục. Tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS có yếu tố cơ bản và nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD quý 4 tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	86.5	163,917.50	14.4	4.7	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.5	99,511.80	17.4	5.6	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.3	80,750.12	17.0	1.8	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.7	70,836.83	18.1	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	- 468.5	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.5	53,989.37	9.9	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.4	37,670.12	8.4	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	8.4	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	37.5	25,517.68	20.3	2.1	10.4%	2.2%
PVD	303.0	74.5	22,576.25	9.6	2.1	22.6%	10.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

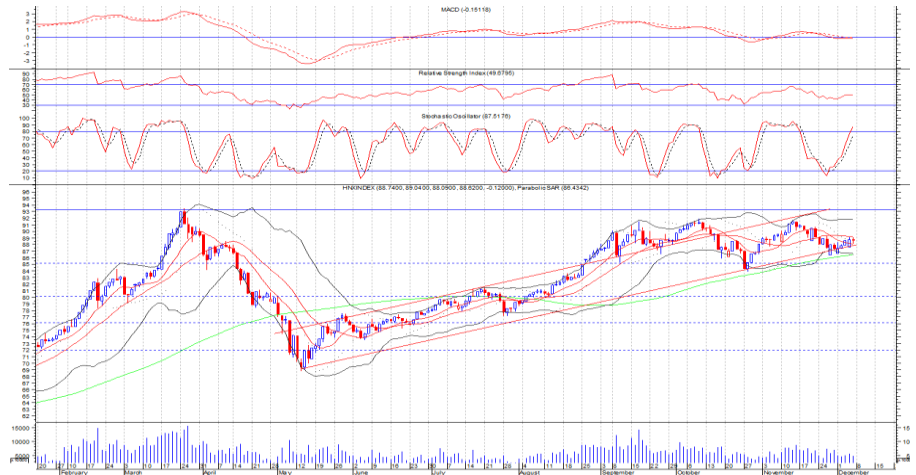
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
HAG	789.9	24.0	18,957.58	10.1	1.3	29.5	MUA
KBC	389.8	16.7	6,509.00	15.4	1.3	NA	TH.DOI
HCM	127.2	35.6	4,529.37	10.7	1.9	NA	TH.DOI
VCB	2,665.0	30.3	80,750.12	17.0	1.8	19.4	BAN
SSI	353.8	30.6	10,826.13	15.0	1.9	NA	TH.DOI
TDC	100.0	11.8	1,180.00	7.0	1.1	NA	TH.DOI

HNX 05/12/2014 HNX-Index 88.63 -0.12 -0.14% 64,241,345 CP 912.10 bil. VND

Áp lực chốt lời ngắn hạn gây áp lực lên chỉ số 2 sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.12 điểm (-0.14%), đóng cửa tại mốc 88.63 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ gần giống nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của chỉ số này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng rất tốt và đi sâu vào vùng quá mua.
- MACD tiếp tục gia tăng nhưng chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) đi ngang và duy trì ở vùng 49 - 50.
- Hầu hết các đường MA đang hội tụ lại, sự tích lũy nhìn chung vẫn đang diễn ra với HNX-Index.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	KLGD (%)	KLGD (tỷ)
KLF	0 (0.0%)	7,946,990
SCR	0.1 (1.0%)	4,063,250
PVX	0 (0.0%)	3,829,680
VCG	0.5 (3.6%)	2,896,810
PVS	-0.4 (-1.2%)	2,260,160

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá (tỷ)
VCM	1.2 (9.9%)	430
PPE	0.8 (9.9%)	9,100
DST	0.7 (9.3%)	2,700
BSC	0.5 (9.1%)	500
TSB	0.8 (8.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá (tỷ)
CSC	-1.6 (-10.0%)	100
TAG	-2.2 (-10.0%)	110
DAC	-0.8 (-9.9%)	100
NGC	-2.4 (-9.8%)	1,700
ITQ	-4.3 (-9.8%)	200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
SHS	3,8	313,000
PCT	2,4	317,100
SHB	1,1	125,700
BVS	0,9	60,000
BCC	0,9	60,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá (tỷ)
PVS	-5,6	168,500
FIT	-0,2	9,700
NAG	-0,2	34,000
PGS	-0,2	6,700
KSQ	-0,1	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,044,389	7.70

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực điều chỉnh xuất hiện mạnh hơn ở HNX-Index do ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu dầu khí sàn này. Tuy nhiên, đóng cửa đã giảm đã được thu hẹp.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 49 triệu cổ phiếu. Nhìn chung giới đầu tư vẫn đang khá thận trọng với nhịp hồi phục lần này của HNX-Index.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 7 tỷ. Đây là dấu hiệu rất tích cực của khối ngoại, khi lực mua tập trung nhiều ở mã SHS, PCT
- ▶ HNX-Index tiếp tục hồi phục sẽ vẫn diễn ra nếu thanh khoản vẫn duy trì khoảng 50 - 60 triệu, tuy nhiên áp lực chốt lời ngắn hạn có thể khiến chỉ số này điều chỉnh nhẹ
- ▶ NĐT tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục. Tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS có yếu tố cơ bản và nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD quý 4 tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	33.3	14,875.12	9.1	1.7	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.6	14,192.58	26.3	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	9.0	7,974.75	10.0	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	14.5	6,404.80	9.4	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	13.1	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	49.3	2,777.53	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	34.0	2,646.29	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
AAA	39.6	17.4	689.04	6.6	1.2	NA	TH.DOI
BVS	72.2	15.0	1,083.36	11.3	0.8	NA	TH.DOI
DBC	62.7	28.0	1,756.77	9.2	1.0	NA	TH.DOI
PLC	70.3	35.1	2,466.11	10.9	2.1	NA	TH.DOI
ICG	20.0	9.0	180.00	12.5	0.7	NA	TH.DOI
SHB	886.1	9.0	7,974.75	10.0	0.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	15.87%	82.5	- 468.54	4.16	112,223	132,769	183,963
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	13.09%	48.7	18.09	3.82	954,243	1,071,878	1,725,878
PVD	HOSE	303.0	22,576.25	9.87%	74.5	9.61	2.08	1,026,173	705,074	632,765
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	11.70%	55.5	8.39	2.31	450,670	438,068	600,600
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	7.51%	24.0	10.12	1.31	2,809,073	3,148,634	3,782,588
KDC	HOSE	255.2	13,395.96	6.18%	52.5	21.80	2.00	1,133,687	1,367,911	962,075
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	5.91%	18.6	8.68	1.20	231,402	227,779	380,646
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	5.47%	30.3	16.98	1.81	443,005	310,114	393,091
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.11%	30.6	9.84	1.28	872,121	601,916	683,332
KBC	HOSE	389.8	6,509.00	2.95%	16.7	15.44	1.25	3,027,820	4,273,686	4,946,334
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.90%	8.8	52.40	0.81	6,208,201	6,423,534	6,574,711
HSG	HOSE	96.3	4,700.08	1.99%	48.8	11.39	1.96	105,948	139,738	310,271
BVH	HOSE	680.5	25,517.68	1.85%	37.5	20.30	2.13	199,485	195,536	262,813
HVG	HOSE	132.0	4,157.99	1.56%	31.5	14.26	1.72	895,116	1,166,486	1,774,099
FLC	HOSE	314.9	3,589.79	1.67%	11.4	6.75	0.95	20,071,420	22,241,332	16,818,391
PPC	HOSE	318.2	8,526.54	1.55%	26.8	11.27	1.52	177,319	176,101	465,039
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	1.35%	55.5	13.34	3.22	99,634	79,734	141,495
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.40%	17.6	15.33	1.48	2,924,402	2,344,477	2,354,789
CSM	HOSE	67.3	2,960.85	1.34%	44.0	8.37	2.29	76,370	79,354	186,435
VSH	HOSE	206.2	2,887.38	1.19%	14.0	19.72	1.07	326,471	404,590	495,112
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	0.54%	8.2	14.27	0.76	5,619,341	5,859,854	5,534,335

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	8.65%	82.5	- 468.54	4.16	112,223	132,769	183,963
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	7.80%	48.7	18.09	3.82	954,243	1,071,878	1,725,878
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	7.95%	30.3	16.98	1.81	443,005	310,114	393,091
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	6.70%	18.6	8.68	1.20	231,402	227,779	380,646
PVS	HNX	446.7	14,875.12	4.86%	33.3	9.07	1.73	2,525,649	1,932,461	3,072,387
BVH	HOSE	680.5	25,517.68	4.53%	37.5	20.30	2.13	199,485	195,536	262,813
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.56%	30.6	9.84	1.28	872,121	601,916	683,332
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	4.00%	24.0	10.12	1.31	2,809,073	3,148,634	3,782,588
PVD	HOSE	303.0	22,576.25	3.35%	74.5	9.61	2.08	1,026,173	705,074	632,765
PPC	HOSE	318.2	8,526.54	3.31%	26.8	11.27	1.52	177,319	176,101	465,039
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.31%	8.8	52.40	0.81	6,208,201	6,423,534	6,574,711
FLC	HOSE	314.9	3,589.79	2.75%	11.4	6.75	0.95	20,071,420	22,241,332	16,818,391
SHB	HNX	886.1	7,974.75	2.73%	9.0	9.96	0.78	3,241,066	2,722,553	4,123,111
VCG	HNX	441.7	6,404.80	2.30%	14.5	9.36	1.10	1,736,026	1,539,711	1,611,994
PVT	HOSE	255.9	4,503.09	1.83%	17.6	15.33	1.48	2,924,402	2,344,477	2,354,789
OGC	HOSE	300.0	2,460.00	1.35%	8.2	14.27	0.76	5,619,341	5,859,854	5,534,335
DRC	HOSE	83.1	4,610.60	0.97%	55.5	13.34	3.22	99,634	79,734	141,495
IJC	HOSE	274.2	4,003.24	0.69%	14.6	22.33	1.31	493,599	499,201	893,883
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.71	2.69	4,440,379	5,229,710	7,559,056

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	0.00%	48.7	18.09	3.82	954,243	1,071,878	1,725,878
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	-468.54	4.16	112,223	132,769	183,963
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	0.00%	30.6	9.84	1.28	872,121	601,916	683,332
HAG	HOSE	789.9	18,957.58	0.00%	24.0	10.12	1.31	2,809,073	3,148,634	3,782,588
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	0.00%	30.3	16.98	1.81	443,005	310,114	393,091
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.00%	18.6	8.68	1.20	231,402	227,779	380,646
BVH	HOSE	680.5	25,517.68	0.00%	37.5	20.30	2.13	199,485	195,536	262,813
CTG	HOSE	3,723.4	53,989.37	0.00%	14.5	9.94	0.99	226,063	175,887	290,543
GAS	HOSE	1,895.0	163,917.50	0.00%	86.5	14.38	4.69	603,005	456,949	435,949

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	1.18%	82.5	-468.54	4.16	112,223	132,769	183,963
VIC	HOSE	1,454.6	70,836.83	1.17%	48.7	18.09	3.82	954,243	1,071,878	1,725,878
PVD	HOSE	303.0	22,576.25	0.45%	74.5	9.61	2.08	1,026,173	705,074	632,765
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.39%	18.6	8.68	1.20	231,402	227,779	380,646
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	0.36%	30.3	16.98	1.81	443,005	310,114	393,091
BVH	HOSE	680.5	25,517.68	0.00%	37.5	20.30	2.13	199,485	195,536	262,813

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

05 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,262	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,421	9.7	1.6	17.1%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,972	15.7	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	932	6.7	1.1	14.2%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,747	13.2	2.0	22.1%	10.6%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,977	3.6	1.0	22.1%	5.3%
Khai khoáng	12,550	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,794	14.1	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	33,364	32.5	1.2	-0.4%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,248	9.8	1.1	15.5%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,150	7.6	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,534	8.4	1.0	12.1%	5.7%
Thiết bị điện	2,222	34.4	1.4	2.7%	0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	78	25.6	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,578	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,183	3.7	1.2	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,938	8.6	1.5	18.4%	13.5%
Dịch vụ vận tải	7,428	8.1	1.7	23.3%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,833	11.6	1.9	15.9%	10.6%
Đào tạo & Việc làm	261	13.5	0.8	6.7%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	196	8.9	0.9	12.3%	4.8%
Chất thải & Môi trường	216	3.3	1.0	34.0%	15.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,450	14.6	1.4	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,400	10.8	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,703	7.6	1.4	17.8%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	330	16.6	2.2	15.0%	10.0%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,397	10.9	2.0	21.5%	7.3%
Thực phẩm	189,161	24.1	4.6	18.8%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	77	21.7	1.0	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,239	8.8	1.6	19.5%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	565	68.1	1.5	2.4%	1.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,801	8.9	1.7	19.4%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,414	10.8	2.0	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	710	10.2	1.1	1.1%	4.6%

05 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,946	9.3	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	164	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	248	10.6	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,693	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	266	-	42.3	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	757	10.5	1.3	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,058	10.6	1.8	18.4%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,155	9.5	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,654	55.4	2.5	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,027	21.0	1.5	9.8%	8.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,717	18.3	3.5	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	769	11.5	0.9	8.9%	3.3%
Internet	385	81.2	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,030	10.2	2.2	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	470	16.0	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	311	5.9	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,271	35.4	6.8	33.5%	11.3%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,200	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	172,341	14.1	4.6	32.4%	22.0%
Nước	1,291	6.9	1.2	17.2%	11.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,517	9.0	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,923	11.8	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,518	20.3	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,699	15.5	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,943	12.3	1.6	11.1%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	246,888	11.7	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	167,378	16.4	2.6	18.0%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	41,139	9.3	2.0	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.